

Bản án số: 74/2025/DS-ST

Ngày: 26-8-2025.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố
và hợp đồng mượn tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Oanh**.

- Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Thanh Tâm**.

2. Ông **Nguyễn Việt Thành**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Thạch Thị Thi** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2-Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Cần Thơ: Bà **Nguyễn Thị Diệu Ni** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 70/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần **S***** tiền có ngay.

Tên gọi trước đây là Công ty TNHH S* VIỆT NAM**

Địa chỉ trước đây: Số 1**, Nguyễn D*, phường Bến T*, thành phố V*, tỉnh Nghệ A*. Địa chỉ hiện nay số 1**, Nguyễn D*, phường Trường V*, tỉnh Nghệ A*.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **PR**T J*TJ****NG**.

Đại diện ủy quyền: Bà **Lê Hồng D*****, sinh ngày 03/7/19**.

Địa chỉ liên hệ: **/8, Lê Hồng P*, khu vực *, phường Thới An Đ*, thành phố Cần Thơ. (có mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Phước H****, sinh ngày 15/7/19**;

Địa chỉ: số ***/2*/1*A, đường Cách mạng tháng T*, khu vực *, phường Bình T*, thành phố Cần Thơ. (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ông Nguyễn Phước H** với công ty TNHH S*** Việt Nam nay là Công ty Cổ phần S*** tiền có ngay (gọi tắt là Công ty) ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể hợp đồng số: NCM200202015NA12X và giấy mượn xe cùng ngày 24/02/2020. Công ty giao ông Hòa số tiền gốc là 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng). Thời hạn cầm cố là 12 tháng, từ ngày 24/02/2020-24/02/2021 với mức lãi xuất 1,1%/tháng. Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty đã giao số tiền trên cho ông H**, tuy nhiên do nhu cầu cần có xe đi lại nên công ty ký giấy mượn xe cho mượn lại xe sử dụng và quy định rõ thời hạn mượn xe từ 24/02/2020 đến 24/3/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng trên, ông H** đã thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 522.982 đồng (năm trăm hai mươi hai nghìn chín trăm tám mươi hai đồng). Sau đó, không thanh toán như nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký, đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trễ hạn thanh toán, không trả nợ và không trả xe máy cho Công ty. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở nhưng bị đơn không thực hiện trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu như sau:

Buộc ông Nguyễn Phước H** phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô (nhãn hiệu Yamaha, loại Jupiter, biển số 65D1-428.61, số khung 1C50CY006958, số máy 31CA009053, giấy chứng nhận đăng ký xe số 030975 cấp ngày 22/02/2012.

Trường hợp ông Nguyễn Phước H** không trả lại xe theo giấy mượn xe thì buộc ông H** phải thanh toán tổng số tiền 21.854.981 đồng (Hai mươi một triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm tám mươi một đồng) (bao gồm: tiền gốc là 4.833.597 đồng, tiền lãi trong hạn là 334,706 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định là 577.531 đồng, tiền lãi quá hạn là 16.109.147 đồng). Ngoài ra, ông H** còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông H** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đề nghị Tòa án tuyên cho Công ty Cổ phần S*** Tiền có ngay được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho công ty. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông H** vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty. Buộc ông Nguyễn Phước H** phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

*Theo bản tự khai của ông Nguyễn Phước H** ngày 10/6/2025 trình bày có nội dung là ông có ký giấy tờ như nguyên đơn trình bày nhưng không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có văn bản xin vắng mặt nên đưa ra xét xử theo quy định chung.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: vẫn giữ nguyên một phần yêu cầu khởi kiện và có rút một phần khởi kiện đối với bị đơn trả lại xe theo (hợp đồng mượn xe) và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ, khi bị đơn thanh toán xong tiền thì nguyên đơn trả lại giấy tờ xe cho bị đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 10.241.763 đồng, (trong đó nợ gốc 4.742.488 đồng, lãi trong hạn là 334.706 đồng, lãi quá hạn 5.164.569 đồng) và lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ngoài ra, rút đơn các yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phí là 577.531 đồng và đình chỉ yêu cầu bị đơn trả lại xe mô tô hai bánh biển số xe 65D1-428.61.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2-Cần Thơ phát biểu:

Về thủ tục: Từ khi thụ lý cho đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật quy định và đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S*** Tiền Có Ngay đối với bị đơn Nguyễn Phước H** về việc hợp đồng cầm cố.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phước H** có nghĩa vụ trả nguyên đơn Công ty Cổ phần S*** Tiền Có Ngay tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 10.241.763 đồng, (mười triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 4.742.488 đồng (bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng), lãi trong hạn là 334.706 đồng (ba trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng), lãi quá hạn 5.164.569 đồng (năm triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng).

Chấm dứt hợp đồng cầm cố đề ngày 24/02/2020 và tuyên vô hiệu giấy mượn xe đề ngày 24/02/2020 giữa Công ty TNHH S*** VIỆT NAM nay là Công ty Cổ phần S*** Tiền Có ngay đối với bị đơn Nguyễn Phước Hòa.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phí quản lý hồ sơ là 577.531 đồng (năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi một đồng) và đình chỉ yêu cầu bị đơn trả lại xe mô tô hai bánh biển số xe 65D1-428.61.

Khi bị đơn thanh toán xong tiền thì nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh, biển số xe 65D1-428.61.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26; 35; 39 và 184 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng có văn bản xin vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét về số nợ gốc và lãi suất: Căn cứ hợp đồng cầm cố số: NCM200202015NA12X, ngày 24/02/2020 và giấy mượn xe đề ngày 24/02/2020 thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng cầm cố xe và nhận số tiền gốc là 5.200.000 đồng nên giao dịch dân sự giữa các đương sự là có thật. Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố, bị đơn còn nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 10.241.763 đồng.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 10.241.763 đồng, trong đó nợ gốc 4.742.488 đồng, lãi trong hạn là 334.706 đồng, lãi quá hạn 5.164.569 đồng và lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn có rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn số tiền phí mượn xe đồng, phí quản lý hồ sơ là 577.531 đồng và rút yêu cầu bị đơn trả lại xe nên đình chỉ phần này.

Từ những chứng cứ trên nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khi bị đơn thanh toán xong tiền cho nguyên đơn thì nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh biển số xe 65D1-428.61 cho bị đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Nguyên đơn được nhận lại án phí đã dự nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 311, 312, 313, 314 và Điều 315 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S*** Tiền Có Ngay đối với bị đơn Nguyễn Phước H** về việc hợp đồng cầm cố.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Phước H** có nghĩa vụ trả nguyên đơn Công ty Cổ phần S*** Tiền Có Ngay tạm tính đến ngày 26/8/2025 là 10.241.763 đồng, (mười triệu hai trăm bốn mươi một nghìn bảy trăm sáu mươi ba đồng), trong đó nợ gốc 4.742.488 đồng (bốn triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng), lãi trong hạn là 334.706 đồng (ba trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm lẻ sáu đồng), lãi quá hạn 5.164.569 đồng (năm triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng) và lãi chậm trả cho đến khi thanh toán xong nợ.

Chấm dứt hợp đồng cầm cố đề ngày 24/02/2020 và tuyên vô hiệu giấy mượn xe đề ngày 24/02/2020 giữa Công ty TNHH S*** VIỆT NAM nay là Công ty Cổ phần S*** Tiền Có ngay đối với bị đơn Nguyễn Phước H**.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phí quản lý hồ sơ là 577.531 đồng (năm trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi một đồng) và đình chỉ yêu cầu bị đơn trả lại xe mô tô hai bánh biển số 65D1-428.61 cho bị đơn.

Khi bị đơn thanh toán xong tiền thì nguyên đơn trả lại giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô hai bánh nhãn hiệu: Yamaha, loại Jupiter, biển số 65D1-428.61, số khung 1C50CY006958, số máy 31CA009053, giấy chứng nhận đăng ký xe số 030975 cấp ngày 22/02/2012 cho bị đơn.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án tại thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu số tiền làm tròn 512.000 đồng (năm trăm mười hai nghìn đồng). Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 546.375 đồng (năm trăm bốn mươi sáu nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng) theo

biên lai thu số 0001481, ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2- Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 2-Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 2-Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Oanh